

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 69/2022/DSST

Ngày: 19 – 7 – 2022

“ *V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXX - ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐ – HPT ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mộng C**, sinh năm: 1971 (Vắng có đơn xin vắng mặt ngày 15/7/2022).

Địa chỉ cư trú: ấp Phước Bình, xã Quới Thiện, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm: 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phước Thạnh, xã Quới Thiện, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng C trình bày:*

Vào ngày 15/4/2019 bà T có vay của chị số tiền 2.900.000đ; ngày 25/6/2019 vay thêm 29.000.000đ và ngày 05/8/2019 vay thêm 10.000.000đ. Tổng cộng là 41.900.000đ lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Sau khi vay bà T có đóng lãi cho chị được số tiền 2.000.000đ rồi ngưng luôn cho đến nay. Chị đã nhiều lần đến nhà bà T

yêu cầu bà T thanh toán khoản tiền trên nhưng bà T luôn trốn tránh không tiếp xúc, làm mất quyền lợi của chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết buộc bà T có trách nhiệm trả cho chị số tiền vốn vay là 41.900.000đ đối với phần tiền lãi mà bà T đã đóng cho chị trước đây chị đồng ý trừ vào phần vốn là 41.900.000đ – 2.000.000đ = 39.900.000đ và chị yêu cầu được tính lãi trên khoản tiền vốn là 39.900.000đ từ ngày 05/8/2019 đến ngày 05/7/2022 là 35 tháng x 1,6% x 39.900.000đ = 22.344.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 62.244.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bằng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Xét thấy, nguyên đơn chị C có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/7/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà T hợp lệ, nhưng hết thời hạn ấn định trong thông báo mà bà T không trả lời cho Tòa án bằng văn bản.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26/5/2022 và ngày 13/6/2022, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện theo đúng tinh thần quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt không lý do nên Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 04/7/2022, quá thời hạn khai mạc phiên tòa mà bà T vẫn vắng mặt không lý do mặt dù Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ, lần thứ nhất nên phải hoãn phiên tòa.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà T đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Chị C trình bày có cho bà T vay tổng cộng 03 lần thành tiền là 41.900.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng bà T đóng lãi được 2.000.000đ rồi

ngưng luôn cho đến nay, phần tiền lãi này chị C đồng ý trừ vào phần vốn. Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị C đã cung cấp biên nhận nợ bản chính cho Tòa án.

Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định Hợp đồng vay tài sản giữa chị C và bà T là có thật trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng và gửi các tài liệu chứng cứ cho bà T nhưng phía bà T vẫn cố tình lánh mặt không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như yêu cầu của mình. Cho thấy bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

Xét yêu cầu của chị C là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ; chị C đã làm tròn nghĩa vụ của bên cho vay là giao đủ số tiền cho bà T. Tuy nhiên phía bà T không thực hiện nghĩa vụ của bên vay làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của chị C bị ảnh hưởng.

[5] Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho chị C số tiền vốn vay và tiền lãi là 62.244.000đ là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự.

[6] Án phí sơ thẩm: Xét thấy bà T là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà T được miễn án phí. Tuy nhiên do bà T từ khi Tòa án thụ lý đến nay không tham gia tố tụng, không có đơn xin miễn án phí nên buộc bà T phải nộp số tiền án phí là 3.112.000đ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 463 của Bộ luật dân sự, Điều 3; Điều 26; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng C.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Mộng C số tiền vốn vay và tiền lãi là 62.244.000đ (Sáu mươi hai triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Ngọc T phải nộp án phí số tiền 3.112.000đ (Ba triệu một trăm mười hai ngàn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Mộng C không phải nộp án phí nên hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Mộng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.442.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰0008314 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

+ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Cường